

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2021
V/v ly hôn giữa chị U và anh M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Hùng
2. Bà Hoàng Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Bá Hưng - Kiểm sát viên;

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị U**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Tiến M**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố số M, thị trấn A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngọc Thị L, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ dân phố số M, thị trấn A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Thị U trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Tiến M vào năm 2015, trên cơ sở yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 08/01/2015. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh M làm dâu, chung sống cùng gia đình anh M. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2017, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân về mặt tình cảm từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh M được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hoàng Kỳ U, sinh ngày 06/7/2015. Hiện cháu U đang ở cùng vợ chồng chị. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu U cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị U giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

2. Bị đơn là anh Hoàng Tiến M hiện đang ở cùng với mẹ đẻ tại Tổ dân phố số M, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; nhưng anh M thường xuyên đi làm vắng nhà nên Tòa án không thể giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh M được, mẹ đẻ anh M là bà Ngọc Thị L nhận thay và đã giao lại hoặc điện thoại thông báo cho anh M biết, nhưng anh M không cung cấp ý kiến bằng văn bản, cũng không chấp hành đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngọc Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh M, là mẹ chồng của chị U. Anh M, chị U kết hôn năm 2015, sau khi kết hôn, chị U chuyển đến sinh sống cùng anh M, ở cùng nhà với bà. Quá trình chung sống, chị U, anh M thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh M ham chơi, không chịu làm ăn, không chăm lo cho vợ con, gia đình. Khoảng 02 năm nay, anh M, chị U gửi con nhờ bà chăm sóc. Chị U có gửi tiền về cho bà chăm cháu còn anh M không gửi đồng nào. Thời gian bà chăm sóc cháu Hoàng Kỳ U có

phải chi phí một khoản tiền, bà xác định đó là trách nhiệm của bà đối với con cháu nên bà không có yêu cầu gì.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Anh Hoàng Tiến M là bị đơn không cung cấp lời khai, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị U và anh Hoàng Tiến M, giao cháu Hoàng Kỳ U cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản; chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Hoàng Tiến M, có địa chỉ: Tổ dân phố số M, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Hoàng Tiến M có nơi cư trú rõ ràng, nhưng anh M cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập và yêu cầu của Tòa án; có cơ sở xác định anh M đã nhận được hoặc biết được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án. Do anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị U và anh Hoàng Tiến M kết hôn với nhau từ tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Sơn Động vào ngày 08/01/2015. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh M là hợp pháp; nay chị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng

con chung, Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị U yêu cầu ly hôn anh M với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, chị xác định vợ chồng đã ly thân về mặt tình cảm từ đầu năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, chăm sóc tới nhau. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của anh M nhưng căn cứ vào lời khai của chị U, bà L, kết quả xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở khẳng định chị U và anh M đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị U và anh M có một con chung là cháu Hoàng Kỳ U, sinh ngày 06/7/2015, hiện anh, chị đang đi làm ăn xa nên gửi cháu U cho bà Ngọc Thị L (bà nội cháu U) trông nom, chăm sóc. Sau khi ly hôn chị U có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị U hiện đang làm công nhân, mức thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Anh M có nhân thân xấu, vừa chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, hiện chưa xác định được công việc, mức thu nhập. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Kỳ U để đảm bảo cho cháu U có điều kiện phát triển tốt nhất.

[4] Bà Ngọc Thị L là người giúp anh M, chị U trông nom, chăm sóc cháu Hoàng Kỳ U trong thời gian anh M, chị U vắng nhà. Tuy nhiên bà L xác định đây là trách nhiệm của bà với con cháu, bà không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị U yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và

khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị U và anh Hoàng Tiến M.

2. Về con chung:

Giao cho chị Hoàng Thị U trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Kỳ U, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015;

Anh Hoàng Tiến M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hoàng Tiến M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Hoàng Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/007328 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị U không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND TT A
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng